

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2019

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CHƯƠNG TRÌNH CAO ĐẲNG CHẤT LƯỢNG CAO

STT	MSSV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Điểm Học tập	Xếp loại Học Lực	Đ. tượng ưu tiên	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Lớp nhập học
1	19002624	Võ Văn Linh	12-01-01	8.7	Giỏi		2NT	9.20	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
2	19002210	Hồ Thế Dân	05-08-01	8.8	Giỏi		2	9.05	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
3	19001890	Trần Hữu Lợi	27-09-96	8.4	Giỏi		2	8.65	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
4	19002956	Võ Trần Nhật Nam	14-10-01	8.2	Giỏi		2	8.45	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
5	19002726	Trần Minh Hoàng	13-04-01	7.9	Khá		2NT	8.40	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
6	19003945	Đặng Đình Tiến	24-12-01	7.6	Khá		1	8.35	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
7	19001963	Đỗ Thế Việt	09-04-01	7.8	Khá		2NT	8.30	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
8	19001999	Phan Thanh Phương	11-05-01	7.5	Khá		1	8.25	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
9	19001739	Võ Hữu Trọng	24-05-01	7.7	Khá		2NT	8.20	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
10	19002921	Lê Hoàng Nhân	08-02-01	7.6	Khá		2NT	8.10	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
11	19001814	Lê Hoàng Sơn	13-06-01	7.3	Khá		1	8.05	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
12	19003255	Lâm Trọng Thắng	06-06-01	7.7	Khá		2	7.95	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
13	19001837	Bùi Chí Bảo	01-09-01	7.9	Khá		3	7.90	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
14	19004074	Hồ Ngọc Bảo	26-08-01	7.6	Khá		2	7.85	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
15	19001989	Nguyễn Phương Nam	12-03-01	7.1	Khá		1	7.85	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
16	19001966	Phạm Phước Hậu	02-09-00	7.5	Khá		2	7.75	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
17	19001796	Phạm Lê Tuyên	15-12-01	7.5	Khá		2	7.75	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
18	19003822	Nguyễn Chí Khang	24-09-01	7.7	Khá		3	7.70	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
19	19002629	Lê Nguyễn Anh Vũ	20-06-01	7.7	Khá		3	7.70	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
20	19004072	Kiều Quốc Huy	21-08-01	7.3	Khá		2	7.55	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
21	19002433	Ngô Hồng Phong	20-03-01	7.0	Khá		2NT	7.50	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
22	19001850	Nguyễn Hữu Duy	27-10-01	7.0	Khá		2NT	7.50	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
23	19005204	Nguyễn Bá Vượng	02-08-99	6.7	Khá		1	7.45	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
24	19003368	Phan Minh Quân	09-11-01	7.20	Khá		2	7.45	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
25	19002334	Huỳnh Quang Thịnh	10-01-01	7.4	Khá		3	7.40	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Điểm Học tập	Xếp loại Học Lực	Đ. tượng ưu tiên	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Lớp nhập học
26	19003283	Đinh Vĩnh	Khang	20-02-01	7.1	Khá		2	7.35	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
27	19003483	Nguyễn Văn Huỳnh	Đức	16-12-01	7.10	Khá		2	7.35	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
28	19003982	Lê Hùng	Phong	07-08-01	7.3	Khá		3	7.30	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
29	19003369	Nguyễn Minh	Tiến	08-03-01	7.2	Khá		3	7.20	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
30	19003282	Nguyễn Chí	Thông	30-03-01	6.9	TB-Khá		2	7.15	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
31	19001888	Lê Huỳnh Thái	Duy	01-04-01	6.5	TB-Khá		2NT	7.00	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
32	19001944	Phạm Phú	Đạt	10-11-01	6.8	TB-Khá		3	6.80	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
33	19003576	Phạm Thiên	Phúc	22-05-01	6.7	TB-Khá		3	6.70	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ1
34	19002619	Nguyễn Hữu	Thịnh	15-12-01	8.7	Giỏi		2NT	9.20	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
35	19003910	Phạm Hoàng	Huy	08-01-01	8.2	Giỏi		2NT	8.70	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
36	19002587	Đinh Nhật	Duy	07-07-01	7.9	Khá		2NT	8.40	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
37	19002930	Đoàn Đức	Toàn	23-06-01	7.9	Khá		2NT	8.40	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
38	19004326	Trần Văn	Hoàng	25-01-01	7.60	Khá		1	8.35	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
39	19005147	Nguyễn Xuân	Tĩnh	15-07-01	8.0	Giỏi		2	8.25	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
40	19002580	Lê Tùng	Truyền	22-10-00	7.50	Khá		1	8.25	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
41	19002578	Huỳnh Nhật	Hào	29-10-01	7.9	Khá		2	8.15	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
42	19001945	Nguyễn Duy	Khang	01-01-01	7.60	Khá		2NT	8.10	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
43	19003846	Nguyễn Minh	Thiện	23-04-01	8.0	Giỏi		3	8.00	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
44	19003460	Ngô Công	Bình	07-10-01	7.20	Khá		1	7.95	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
45	19001071	Trần Minh	Đạt	17-09-00	7.1	Khá		1	7.85	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
46	19001977	Nguyễn Nhật	Nam	19-09-00	7.1	Khá		1	7.85	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
47	19002283	Trần Văn	Bào	01-01-00	7.30	Khá		2NT	7.80	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
48	19002519	Nguyễn Phước	Tài	23-06-01	7.5	Khá		2	7.75	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
49	19002091	Huỳnh Minh	Hiếu	16-11-01	7.50	Khá		2	7.75	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
50	19002727	Trương Long	Hồ	22-10-99	7.2	Khá		2NT	7.70	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
51	19002736	Mai Văn	Tuấn	07-10-01	7.6	Khá		3	7.60	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
52	19004205	Nguyễn Văn	Tân	29-01-01	6.80	TB-Khá		1	7.55	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
53	19002555	Huỳnh Minh	Chiến	22-01-01	7.0	Khá		2NT	7.50	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
54	19003943	Nguyễn Minh	Nhật	15-02-01	7.0	Khá		2NT	7.50	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
55	19001823	Mai Đình	Trung	03-09-98	6.7	Khá		1	7.45	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
56	19003197	Bùi Văn	Thượng	10-01-01	6.9	TB-Khá		2NT	7.40	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
57	19002568	Lê Long	An	30-09-98	6.6	Khá		1	7.35	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
58	19003434	Nguyễn Tấn	Phát	10-12-01	6.6	TB-Khá		1	7.35	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Điểm Học tập	Xếp loại Học Lực	Đ. tượng ưu tiên	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Lớp nhập học
59	19002958	Phan Phi	Trường	23-10-00	6.8	TB-Khá		2NT	7.30	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
60	19002251	Vũ Nhật	Kha	12-08-01	7.30	Khá		3	7.30	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
61	19002261	Hồ Bảo	Long	19-11-01	6.9	Khá		2	7.15	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
62	19003610	Đặng Thế	Duy	15-04-01	6.5	TB-Khá		2NT	7.00	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
63	19003697	Phạm Đăng	Khôi	20-02-01	6.9	TB-Khá		3	6.90	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
64	19003593	Nguyễn Thành	Đạt	20-11-01	6.5	Khá		2	6.75	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
65	19003050	Nguyễn Trường	Thuận	28-01-01	6.5	Khá		3	6.50	Công nghệ ô tô	19C3 - CNÔ2
66	19001026	Trần Hoàng	Khan	24-10-01	8.8	Giỏi		1	9.55	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
67	19002363	Võ Hoàng Thanh	Tú	28-06-01	8.5	Giỏi		2NT	9.00	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
68	19002983	Phạm Quang	Huy	30-09-01	8.3	Giỏi		2NT	8.80	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
69	19004565	Lê Văn	Đức	11-05-01	7.00	Khá		1	7.75	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
70	19002644	Phan Tiến	Phát	06-02-01	8.2	Giỏi		2	8.45	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
71	19002364	Nguyễn Trọng	Hoàng	01-12-01	7.9	Khá		2NT	8.40	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
72	19003463	Lê Trần Quốc	Trường	01-02-01	8.1	Giỏi		2	8.35	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
73	19004514	Đoàn Thành	Luân	23-11-01	7.8	Khá		2NT	8.30	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
74	19004355	Nông Tiến	Hung	15-11-01	7.5	Khá		1	8.25	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
75	19003130	Nguyễn Văn	Luận	21-09-01	7.5	Khá		1	8.25	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
76	19004386	Nguyễn Quốc	Tuấn	18-07-01	7.5	Khá		1	8.25	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
77	19003127	Nguyễn Văn	Lộc	23-04-01	8.0	Giỏi		2	8.25	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
78	19002182	Lê Ngọc Phước	Hòa	19-05-01	7.7	Khá		2NT	8.20	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
79	19002926	Nguyễn Thanh	Toàn	04-12-01	7.9	Khá		2	8.15	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
80	19002307	Nguyễn Vũ Linh	Giang	14-03-01	7.2	Khá		1	7.95	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
81	19002861	Ngô Nguyên	Vũ	19-04-01	7.2	Khá		1	7.95	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
82	19001405	Dương Phú	Quốc	27-09-00	7.3	Khá		2NT	7.80	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
83	19002606	Huỳnh Thanh	Phuong	19-02-01	7.0	Khá		1	7.75	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
84	19004110	Nguyễn Văn	Quang	26-01-01	7.2	Khá		2NT	7.70	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
85	19002866	Phạm Hải	Đăng	17-11-01	7.4	Khá		2	7.65	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
86	19003561	Võ Ngọc	Thái	20-09-01	7.1	Khá		2NT	7.60	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
87	19003301	Lê Hữu	Đan	19-10-01	7.1	Khá		2NT	7.60	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
88	19003332	Nguyễn Nhĩ	Khang	01-01-00	7.1	Khá		2NT	7.60	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
89	19002609	Lâm Văn	Tấn	17-04-01	6.8	TB-Khá		1	7.55	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
90	19002944	Nguyễn Phùng Hải	Đăng	04-02-01	7.3	Khá		2	7.55	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
91	19002984	Nguyễn Hữu	Vinh	23-03-01	6.8	TB-Khá		2NT	7.30	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1

STT	MSSV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Điểm Học tập	Xếp loại Học Lực	Đ. tượng ưu tiên	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Lớp nhập học
92	19003465	Lê Văn Thuận	19-09-01	6.7	TB-Khá		2NT	7.20	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
93	19004183	Nguyễn Bảo Toàn	09-10-79	7.0	Khá		3	7.00	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
94	19003698	Trần Vĩ Khanh	06-02-01	6.5	TB-Khá		2NT	7.00	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
95	19003585	Lâm Bảo Thắng	23-03-01	6.5	TB-Khá		2	6.75	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
96	19005322	Phạm Văn Phú	02-03-99	6.1	TB-Khá		2NT	6.60	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
97	19001959	Võ Quốc Việt	01-07-01	6.2	TB-Khá		2	6.45	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1
98	19003537	Nguyễn Chí Nhân	20-01-01	7.9	Khá		1	8.65	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3 - CCK1

Tổng cộng danh sách có 98 thí sinh



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

PHÒNG TUYỂN SINH - ĐÀO TẠO

[Handwritten signature]
Hồ Văn Sĩ